

Bản án số: 694/2025/DS-ST

Ngày: 29-8-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Khanh.

2. Ông Đinh Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1127/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 384/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH M nơ G. Trụ sở: Tầng E Khối E, Tòa nhà C, số B C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tầng E Khối E, Tòa nhà Cộng Hòa G, số B C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Công ty Cổ phần M1 J. Trụ sở: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội (nay là Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Ngô Trung H; sinh năm: 2002. Địa chỉ: Tầng G Tòa nhà C, số D N, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tầng G Tòa nhà C, số D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) – là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 43904/2025/UQ-XLN-JUPITERMN ngày 17/4/2025).

2. *Bị đơn*: Ông Bùi Lại T; sinh năm: 1967 và bà Trần Thị Hồng L; sinh năm: 1969

Cùng địa chỉ: 413/56/29 L, phường B, quận B, Thành phố H 413/56/29 L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Tại phiên tòa: ông H và bà L có mặt; ông T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH M có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Công ty Cổ phần M1 do người đại diện theo ủy quyền là ông Ngô Trung H trình bày: Ông Bùi Lại T và bà Trần Thị Hồng L có vay của Ngân hàng TMCP V1 (sau đây gọi tắt là V2) theo hợp đồng cho vay số LN2106103855039 ký ngày 11/06/2021 chi tiết như sau:

Số tiền vay: 768.000.000 (bảy trăm sáu mươi tám triệu) đồng. Thời hạn vay: 96 tháng. Mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu HONDA, Civic RS, 1.5L, CVT sản xuất mới 100%. Lãi suất thời điểm cho vay: 9%/năm, cố định trong 12 tháng. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu HONDA; số loại: Civic RS; số khung: MRHFC1680LT030718; số máy: L15B74873023; biển số: 51H-969.19; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 048928 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp cho ông Bùi Lại T ngày 11/06/2021.

Việc thế chấp và nhận thế chấp tài sản nêu trên được thực hiện đúng quy định của pháp luật, theo Hợp đồng thế chấp số: LN2106103855039 ngày 11/06/2021 và đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật. Chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số: 14189242592 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 14/6/2021.

Thực hiện hợp đồng, ông T và bà L đã thanh toán được tổng số tiền: 188.908.706 đồng, trong đó: tiền nợ gốc: 112.000.000 đồng, tiền nợ lãi: 76.908.706 đồng.

Do ông T, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 15/6/2022, Ngân hàng TMCP V1 chuyển toàn bộ dư nợ của ông T, bà L thành nợ quá hạn. Tại thời điểm này, dư nợ của ông T, bà L là: 698.328.018 đồng, trong đó: nợ gốc là 687.850.311 đồng, nợ lãi trong hạn là 10.477.707 đồng.

Ngày 30/6/2023, Ngân hàng TMCP V1 và Công ty TNHH M (sau đây gọi tắt là Công ty M) ký Hợp đồng mua bán nợ số 3-30/6/2023/GLX-VPB. Ngày 25/10/2023, V2 và Công ty M ký Phụ lục hợp đồng mua bán nợ. Ngày 12/7/2024, Công ty TNHH M và Công ty Cổ phần M1 (sau đây gọi tắt là Công ty M1) ký Hợp đồng mua bán nợ số 09/HĐMBN/GALAXY-JUPITER và Phụ lục 02 ký hiệu

264/PL02/HĐ09/HĐMBN/GALAXY-JUPITERMN. Theo đó, Công ty M1 kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đối với khoản nợ của ông Bùi Lại T và bà Trần Thị Hồng L.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/8/2025), tổng dư nợ chưa thanh toán của ông Bùi Lại T và bà Trần Thị Hồng L là: 1.166.445.348 đồng, trong đó: nợ gốc là 656.000.000 đồng, nợ lãi là 510.445.348 đồng, bao gồm: lãi trong hạn là 10.477.707 đồng, lãi quá hạn là 499.967.641 đồng.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình, Công ty Cổ phần M1 đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Bùi Lại T và bà Trần Thị Hồng L phải thanh toán ngay cho Công ty Cổ phần M1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, tạm tính đến ngày 29/8/2025 với số tiền: 1.166.445.348 đồng, trong đó: nợ gốc là 656.000.000 đồng, nợ lãi là 510.445.348 đồng, bao gồm: lãi trong hạn là 10.477.707 đồng, lãi quá hạn là 499.967.641 đồng.

Ông Bùi Lại T và bà Trần Thị Hồng L phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên, kể từ ngày 30/8/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty M1.

Trường hợp, ông T, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Công ty Cổ phần M1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản là: chiếc xe ô tô nhãn hiệu HONDA; số loại: Civic RS; số khung: MRHFC1680LT030718; số máy: L15B74873023; biển số: 51H-969.19 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 048928 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp cho ông Bùi Lại T ngày 11/06/2021.

Nếu giá trị tài sản bảo đảm phát mại không đủ thanh toán nợ thì ông T, bà Liên tiếp T1 có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần M1 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Đối với lời trình bày của ông T về việc ông T cho mượn tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu HONDA; số loại: Civic RS, biển số: 51H-969.19 thì nguyên đơn không được biết, không được ông T thông báo về vấn đề này. Hiện nay, nguyên đơn không biết chiếc xe ô tô này đang ở đâu, nên đề nghị Tòa án không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp.

Bị đơn – ông Bùi Lại T xác nhận có vay Ngân hàng TMCP V1 và thế chấp chiếc xe ô tô HONDA; số loại: Civic RS, biển số: 51H-969.19 như nguyên đơn trình bày. Ông T trình bày rằng do thương tình ông Nguyễn Trọng H1, số căn cước công dân 058080000655, địa chỉ thường trú: tổ A, khu phố C, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (là chủ sở hữu Công ty TNHH H2) không có xe di chuyển đến công ty, nên ông đứng tên vay và trả góp xe cho ông H1 sử dụng. Ông có liên hệ với ông H1 để yêu cầu đưa lại chiếc xe và cùng ông giải quyết khoản nợ vay

nhưng ông H1 cố tình khóa máy điện thoại. Qua thông tin của bà Hồng V (là mẹ của ông H1) thì ông H1 đã thanh lý chiếc xe của ông cho nhiều người khác. Ông yêu cầu Tòa án triệu tập ông H1 để tham gia vào vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Hiện tại kinh tế của ông và gia đình đang rất khó khăn, phải ở nhà thuê, bản thân của ông bị bệnh nên ông mong muốn thu hồi lại chiếc xe để trả nợ khoản vay của Ngân hàng.

Bị đơn – bà Trần Thị Hồng L trình bày: bà và ông Bùi Lại T có vay của Ngân hàng TMCP V1 số tiền 768.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay số LN2106103855039 ngày 11/6/2021.

Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản là xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Civic RS, số khung: MRHFC1680LT030718, số máy: L15B74873023, biển số 51H-969.19, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 048928 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp cho ông Bùi Lại T ngày 11/06/2021. Ông T đã dùng số tiền vay để mua chiếc xe nói trên.

Bà không rõ việc ông T cho mượn chiếc xe như thế nào, chỉ nghe ông T kể lại và hiện nay bà không biết xe đang ở đâu, do ai quản lý hay sử dụng. Trong vụ án này, bà không có tranh chấp đối với chiếc xe ô tô trên; nếu phát sinh tranh chấp, bà sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác. Bà L xác định không có yêu cầu phản tố và cũng không đề nghị triệu tập ai tham gia tố tụng.

Đối với việc mua bán nợ giữa Ngân hàng TMCP V1, Công ty TNHH M và Công ty Cổ phần M1, bà không có ý kiến.

Bà cũng không có ý kiến về số tiền nguyên đơn khởi kiện yêu cầu. Bà thừa nhận nghĩa vụ trả nợ nhưng do bà và ông T đang gặp khó khăn về kinh tế, nên không có khả năng thanh toán cho nguyên đơn. Bà đề nghị Tòa án xác minh, tìm chiếc xe ô tô đã thế chấp để xử lý, bán đấu giá nhằm thanh toán khoản nợ cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; tiến hành xác minh thu thập chứng cứ. Thời hạn giải quyết vụ án chưa đảm bảo. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng các bên có xác lập giao dịch tín dụng theo đúng quy định pháp

luật. Xét việc ông T và bà L chưa thực hiện đúng các thỏa thuận giữa các bên, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Công ty TNHH M có Công ty Cổ phần M1 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng và ông Bùi Lại T, bà Trần Thị Hồng L là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn có nơi cư trú tại phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Ngày 30/6/2023, V2 và Công ty M đã ký Hợp đồng mua bán nợ số 3-30/6/2023/GLX-VPB. Ngày 25/10/2023, V2 và Công ty M đã ký Phụ lục hợp đồng mua bán nợ. Theo đó, V2 chuyển giao toàn bộ quyền chủ nợ, Công ty M kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của V2 đối với (các) khoản nợ đã mua và quyền đối với (các) tài sản bảo đảm liên quan đến khoản nợ của ông Bùi Lại T và bà Trần Thị Hồng L. Ngày 27/11/2023, Công ty M nộp đơn khởi kiện. Ngày 12/7/2024, Công ty M và Công ty M1 ký Hợp đồng mua bán nợ số 09/HĐMBN/GALAXY-JUPITER và Phụ lục 02 ký hiệu 264/PL02/HĐ09/HĐMBN/GALAXY-JUPITERMN. Theo đó, Công ty M chuyển giao toàn bộ quyền chủ nợ, Công ty M1 kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Công ty M đối với (các) khoản nợ đã mua và quyền đối với (các) tài sản bảo đảm liên quan đến khoản nợ của ông Bùi Lại T và bà Trần Thị Hồng L. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Giá trị của (các) khoản nợ được mua bán bao gồm toàn bộ nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo Hợp đồng cho vay nêu trên và các văn kiện tín dụng liên quan giữa ông Bùi Lại T và bà Trần Thị Hồng L với Công ty M. Do đó, Hội đồng xét xử xác định Công ty M1 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Lại T trình bày: vì thương tình ông H1 không có xe di chuyển đến công ty, nên ông T đứng tên vay và trả góp xe cho ông H1 sử dụng và có đơn yêu cầu triệu tập ông Nguyễn Trọng H1, số căn cước công dân 058080000655, địa chỉ thường trú: tổ A, khu phố C, phường T, thị xã L,

tỉnh Bình Thuận vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, ông T không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này. Để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án một cách toàn diện, khách quan, Tòa án đã xác minh nơi cư trú của ông H1 theo địa chỉ ông T cung cấp, tuy nhiên qua kết quả trả lời xác minh của Công an phường L, tỉnh Lâm Đồng xác định ông Nguyễn Trọng H1 đã không còn cư trú tại địa phương từ năm 2022, đi đâu làm gì không rõ. Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả xác minh, không có căn cứ xác định ông H1 có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ vào khoản 4 Điều 68, Điều 70, Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không đưa ông H1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2.3] Bị đơn - ông Bùi Lại T có đơn xin vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Ngân hàng TMCP V1 là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định khác của pháp luật và được phép cấp và cho vay tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận việc ký kết hợp đồng vay, hợp đồng thế chấp. Từ đó thể hiện việc ký kết các hợp đồng này dựa trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó các hợp đồng đã ký có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[3.2] Căn cứ vào Hợp đồng cho vay số LN2106103855039 ngày 11/6/2021 giữa Ngân hàng TMCP V1 và ông Bùi Lại T, Hợp đồng thế chấp số LN2106103855039 ngày 11/6/2021 giữa bên thế chấp ông Bùi Lại T và bà Trần Thị Hồng L với bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP V1 và sự thừa nhận của các đương sự, có cơ sở xác định Ngân hàng TMCP V1 có cho ông Bùi Lại T và bà Trần Thị Hồng L vay số tiền 768.000.000 đồng. Mục đích: mua xe ô tô nhãn hiệu HONDA, Civic RS, 1.5L, CVT sản xuất mới 100%.

Do ông T, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và khởi kiện là có căn cứ theo thỏa thuận giữa hai bên tại khoản 8 Điều 2 của hợp đồng và phù hợp với khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3.3] Về yêu cầu trả nợ gốc: Xét ông Bùi Lại T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số LN2106103855039 ngày 11/6/2021; bà Trần Thị Hồng L thừa nhận nghĩa vụ trả nợ. Khoản nợ này đã được chuyển giao cho Công ty Cổ phần M1. Do đó, yêu cầu của Công ty M1 buộc ông Bùi Lại T và bà Trần Thị Hồng L trả số nợ gốc 656.000.000 đồng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Về yêu cầu trả tiền lãi: Xét thấy Công ty M1 yêu cầu ông Bùi Lại T và bà Trần Thị Hồng L trả các khoản tiền lãi dựa vào sự thỏa thuận giữa các bên tại Hợp đồng cho vay số LN2106103855039 ngày 11/6/2021; thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Yêu cầu trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn được tính theo đúng quy định tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N và Điều 7 và Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Do đó, yêu cầu của Công ty Cổ phần M1 về việc buộc ông T và bà L có nghĩa vụ trả các khoản tiền lãi tạm tính đến ngày 29/8/2025 với số tiền 510.445.348 đồng, cụ thể: tiền nợ lãi trong hạn là 10.477.707 đồng, nợ lãi quá hạn là 499.967.641 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Xét thấy ông Bùi Lại T và Bà Trần Thị Hồng L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty Cổ phần M1. Vì vậy, Công ty Cổ phần M1 yêu cầu Tòa án buộc ông T và bà Liên thanh T2 toàn bộ số tiền còn nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.6] Xét yêu cầu của Công ty M1 về việc yêu cầu ông T và bà Liên tiếp T1 chịu lãi phát sinh từ ngày 30/8/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số LN2106103855039. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng cho vay nên có cơ sở để chấp nhận.

[3.7] Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 048928 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp ngày 11/06/2021, kết quả trả lời xác minh của Phòng C Công an Thành phố H có cơ sở xác định xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại: Civic RS, màu sơn: đen, số khung: MRHFC1680LT030718, số máy: L15B74873023, biển số: 51H-969.19 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Bùi Lại T.

Xét việc thế chấp tài sản được thực hiện đúng chủ thể và đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên. Do đó, Công ty Cổ phần M1 yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí:

- Ông Bùi Lại T và bà Trần Thị Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Công ty TNHH M nợ G Công ty Cổ phần MBN J là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 68, 70, 74, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 1 Luật 85/2025/QH15;

- Căn cứ vào Điều 91, 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M nợ G Công ty Cổ phần MBN Jupiter là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Buộc ông Bùi Lại T và bà Trần Thị Hồng L trả cho Công ty Cổ phần M1 số tiền nợ tính đến ngày 29/8/2025 là 1.166.445.348 (một tỷ, một trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, ba trăm bốn mươi tám) đồng, trong đó: nợ gốc là 656.000.000 (sáu trăm năm mươi sáu triệu) đồng và nợ lãi là 510.445.348 (năm trăm mười triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, ba trăm bốn mươi tám) đồng, bao gồm: lãi trong hạn là 10.477.707 (mười triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, bảy trăm lẻ bảy) đồng, lãi quá hạn là 499.967.641 (bốn trăm chín mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, sáu trăm bốn mươi mốt) đồng, theo Hợp đồng cho vay số LN2106103855039 ngày 11/6/2021.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Bùi Lại T và bà Trần Thị Hồng L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LN2106103855039 ký ngày 11/06/2021. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho

Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Bùi Lại T và bà Trần Thị Hồng L thanh toán xong tất cả khoản nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 có trách nhiệm giải chấp tài sản đảm bảo và trả lại cho ông Bùi Lại T và bà Trần Thị Hồng L bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 048928 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp cho ông Bùi Lại T ngày 11/06/2021.

Trường hợp ông Bùi Lại T và bà Trần Thị Hồng L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần M1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là: xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại: Civic RS, màu sơn: đen, số khung: MRHFC1680LT030718, số máy: L15B74873023, biển số: 51H-969.19; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 048928 do Phòng C – Công an Thành phố H cấp cho ông Bùi Lại T ngày 11/06/2021.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông T, bà L đối với Công ty Cổ phần M1. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông T, bà L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Công ty Cổ phần M1.

2. Về án phí:

- Ông Bùi Lại T và bà Trần Thị Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 46.993.360 (bốn mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm sáu mươi) đồng.

- Công ty TNHH M nợ G Công ty Cổ phần MBN J là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.388.830 (mười tám triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm ba mươi) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001372 ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 - TP.Hồ Chí Minh;
- THADS TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Minh Tâm